VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 09.06.2021 16:06:01 +07:00

TTĐTC2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 861 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 6
Ngày: 9/6/21

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 3.434 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: 1.673 xã khu vực I, 210 xã khu vực II và 1.551 xã khu vực III *(danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh, bổ sung danh sách các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do hoàn thành xây dựng nông thôn mới, chia tách, sáp nhập địa giới, thành lập mới hoặc hiệu chỉnh tên gọi của đơn vị hành chính theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017, Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, QHĐP (2b) S.Tùng. 111

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ KHU VỰC III, KHU VỰC II, KHU VỰC I THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 861 /QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
	Tổng cộng	**3,434**
+	Khu vực I	1,673
+	Khu vực II	210
+	Khu vực III	1,551
1	**Vĩnh Phúc**	**11**
+	Khu vực I	11
+	Khu vực II	0
+	Khu vực III	0
2	**TP. Hà Nội**	**13**
+	Khu vực I	13
+	Khu vực II	0
+	Khu vực III	0
3	**Quảng Ninh**	**56**
+	Khu vực I	56
+	Khu vực II	0
+	Khu vực III	0
4	**Hải Dương**	**2**
+	Xã khu vực I	2
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
5	**Ninh Bình**	**7**
+	Khu vực I	7
+	Khu vực II	0
+	Khu vực III	0
6	**Hà Giang**	**192**
+	Xã khu vực I	52

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
+	Xã khu vực II	7
+	Xã khu vực III	133
7	**Cao Bằng**	**161**
+	Xã khu vực I	29
+	Xã khu vực II	6
+	Xã khu vực III	126
8	**Bắc Kạn**	**108**
+	Xã khu vực I	34
+	Xã khu vực II	7
+	Xã khu vực III	67
9	**Tuyên Quang**	**121**
+	Xã khu vực I	56
+	Xã khu vực II	15
+	Xã khu vực III	50
10	**Lào Cai**	**138**
+	Xã khu vực I	64
+	Xã khu vực II	4
+	Xã khu vực III	70
11	**Yên Bái**	**137**
+	Xã khu vực I	67
+	Xã khu vực II	11
+	Xã khu vực III	59
12	**Thái Nguyên**	**110**
+	Xã khu vực I	83
+	Xã khu vực II	12
+	Xã khu vực III	15
13	**Lạng Sơn**	**199**
+	Xã khu vực I	103
+	Xã khu vực II	8
+	Xã khu vực III	88

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
14	**Bắc Giang**	**73**
+	Xã khu vực I	36
+	Xã khu vực II	9
+	Xã khu vực III	28
15	**Phú Thọ**	**58**
+	Xã khu vực I	27
+	Xã khu vực II	5
+	Xã khu vực III	26
16	**Điện Biên**	**126**
+	Xã khu vực I	27
+	Xã khu vực II	5
+	Xã khu vực III	94
17	**Lai Châu**	**106**
+	Xã khu vực I	46
+	Xã khu vực II	2
+	Xã khu vực III	58
18	**Sơn La**	**202**
+	Xã khu vực I	66
+	Xã khu vực II	10
+	Xã khu vực III	126
19	**Hòa Bình**	**145**
+	Xã khu vực I	74
+	Xã khu vực II	12
+	Xã khu vực III	59
20	**Thanh Hóa**	**174**
+	Xã khu vực I	129
+	Xã khu vực II	24
+	Xã khu vực III	21
21	**Nghệ An**	**131**
+	Xã khu vực I	55
+	Xã khu vực II	0

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
+	Xã khu vực III	76
22	**Quảng Bình**	**15**
+	Xã khu vực I	2
+	Xã khu vực II	2
+	Xã khu vực III	11
23	**Quảng Trị**	**31**
+	Xã khu vực I	1
+	Xã khu vực II	2
+	Xã khu vực III	28
24	**Thừa Thiên Huế**	**24**
+	Xã khu vực I	9
+	Xã khu vực II	1
+	Xã khu vực III	14
25	**TP Đà Nẵng**	**1**
+	Xã khu vực I	1
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
26	**Quảng Nam**	**70**
+	Xã khu vực I	9
+	Xã khu vực II	3
+	Xã khu vực III	58
27	**Quảng Ngãi**	**61**
+	Xã khu vực I	6
+	Xã khu vực II	3
+	Xã khu vực III	52
28	**Bình Định**	**22**
+	Xã khu vực I	0
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	22
29	**Phú Yên**	**23**
+	Xã khu vực I	10

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
+	Xã khu vực II	1
+	Xã khu vực III	12
30	**Khánh Hòa**	**28**
+	Xã khu vực I	5
+	Xã khu vực II	3
+	Xã khu vực III	20
31	**Ninh Thuận**	**28**
+	Xã khu vực I	12
+	Xã khu vực II	1
+	Xã khu vực III	15
32	**Bình Thuận**	**31**
+	Xã khu vực I	25
+	Xã khu vực II	3
+	Xã khu vực III	3
33	**Kon Tum**	**92**
+	Xã khu vực I	35
+	Xã khu vực II	5
+	Xã khu vực III	52
34	**Gia Lai**	**176**
+	Xã khu vực I	104
+	Xã khu vực II	29
+	Xã khu vực III	43
35	**Đắk Lắk**	**130**
+	Xã khu vực I	69
+	Xã khu vực II	7
+	Xã khu vực III	54
36	**Đắk Nông**	**46**
+	Xã khu vực I	29
+	Xã khu vực II	5
+	Xã khu vực III	12

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
37	**Lâm Đồng**	**77**
+	Xã khu vực I	72
+	Xã khu vực II	1
+	Xã khu vực III	4
38	**Bình Dương**	**1**
+	Xã khu vực I	1
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
39	**Bình Phước**	**58**
+	Xã khu vực I	50
+	Xã khu vực II	3
+	Xã khu vực III	5
40	**Tây Ninh**	**1**
+	Xã khu vực I	1
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
41	**Đồng Nai**	**24**
+	Xã khu vực I	24
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
42	**Bà Rịa - Vũng Tàu**	**3**
+	Xã khu vực I	3
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
43	**Trà Vinh**	**59**
+	Xã khu vực I	44
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	15
44	**Vĩnh Long**	**5**
+	Xã khu vực I	3
+	Xã khu vực II	0

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số xã thuộc khu vực
+	Xã khu vực III	2
45	**An Giang**	**16**
+	Xã khu vực I	9
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	7
46	**Kiên Giang**	**49**
+	Xã khu vực I	46
+	Xã khu vực II	1
+	Xã khu vực III	2
47	**Cần Thơ**	**6**
+	Xã khu vực I	6
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	0
48	**Hậu Giang**	**4**
+	Xã khu vực I	2
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	2
49	**Sóc Trăng**	**63**
+	Xã khu vực I	46
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	17
50	**Bạc Liêu**	**14**
+	Xã khu vực I	11
+	Xã khu vực II	3
+	Xã khu vực III	0
51	**Cà Mau**	**6**
+	Xã khu vực I	1
+	Xã khu vực II	0
+	Xã khu vực III	5